TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/LĐ-ST
Ngày: 24 – 4 – 2025
*V/v "*Vô hiệu hợp đồng lao động
và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng;
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 195/2024/TLST – LĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội* ", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Neáng R, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D1; Địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt D - Chức vụ Tổng Giám đốc (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ông Bùi Quang T – Phó Giám đốc (xin vắng mặt).

3.2. Bà Neáng Sóc H, sinh năm 1998; Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Neáng R trình bày:

Do không am hiểu quy định pháp luật nên bà cho bà N Sóc Hone mượn giấy chứng minh nhân dân do bà đứng tên để xin việc làm tại Công ty Cổ phần D1 trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 thì bà H nghỉ việc. Quá trình làm việc, bà H có tham gia BHXH bắt buộc với mã sổ bảo hiểm là 8013012188, ngươi đứng tên sổ là *Neáng Rét*.

Trong khi đó, bà Neáng R đã xin vào làm việc tại Công ty Cổ phần D1 từ tháng 8/2011 đến tháng 01/2014, có tham gia bảo hiểm với mã sổ bảo hiểm xã hội số 8011027391 mang tên Neáng Rét.

Việc bà Neáng R cho bà N Sóc Hone mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và hiện nay tồn tại 02 sổ bảo hiểm xã hội số 8013012188 và số 8011027391 cùng mang tên là Neáng R nên bà Neáng R không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Neáng R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Neáng R (do bà Neáng Sóc H làm việc) với Công ty Cổ phần D1 từ tháng 5/2017 đến hết tháng 5 năm 2013;

- Điều chỉnh tên Neáng Rét ghi trên sổ bảo hiểm xã hội số 8013012188 từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 tại Công ty Cổ phần D2 sang tên bà Neáng Sóc H.

Bị đơn Công ty Cổ phần D1 vắng mặt nhưng tại Văn bản ngày 06/12/2024, ông Nguyễn Quốc B, người đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày:

Hợp đồng lao động giữa bà Neáng R (do bà N Sóc Hone làm việc thực tế) tại Công ty Cổ phần D1 trong tháng 5 năm 2013 (một tháng). Số sổ bảo hiểm được cấp là 8013012188. Đến nay đã hơn 10 năm, Công ty không còn lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan để xác thực đúng nhân thân người lao động.

Công ty không yêu cầu hay tranh chấp gì liên quan đến người lao động giao kết hợp đồng lao động Công ty Cổ phần D1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neáng Sóc H vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Neáng R để vào làm việc tại Công ty Cổ phần D1 trong tháng 5 năm 2013 (làm việc một tháng) và có tham gia bảo hiểm xã hội với sổ được cấp là 8013012188 ghi tên Neáng R. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Neáng R và đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề

nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty Cổ phần D1 có tham gia đóng bảo hiểm cho bà Neáng R từ tháng 5/2013 đến tháng 5/2013 với mã số bảo hiểm xã hội số 8013012188. Qua tra cứu dữ liệu chi trả chính sách BHXH, BHTN tại BHXH tỉnh L đến ngày 11/3/2025 thì bà Neáng R chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN nêu trên. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 49 của Luật số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội Khóa 14, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neáng R về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neáng R (do bà Neáng Sóc H thực hiện) với Công ty Cổ phần D1 từ tháng 5/2013 đến hết tháng 5/2013; Điều chỉnh tên Neáng R trên sổ bảo hiểm xã hội số 8013012188 thành tên Neáng Sóc H. Thời gian lao động thực tế từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 tại Công ty Cổ phần D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Neáng R nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Cổ phần D1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Neáng R là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty Cổ phần D1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Neáng R và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Neáng R khởi kiện Công ty Cổ phần D1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng lao động giả tạo (chủ thể không có năng lực pháp luật dân sự tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động) nên bà Neáng R có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Neáng R có nộp chứng cứ là: Sổ BHXH số 8013012188, số H và quá trình tham gia bảo hiệm xã hội.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 6 năm 2011 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Neáng R khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Neáng R (nhưng do bà Neáng Sóc H là người trực tiếp lao động) với Công ty Cổ phần D1 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Neáng R không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty Cổ phần D1 có tham gia đóng bảo hiểm cho bà N Rét từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2013 (một tháng) theo sổ bảo hiểm số 8013012188 nên có căn cứ xác định giữa bà Neáng R với Công ty Cổ phần D1 có giao kết hợp đồng lao động, thời gian lao động từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2013 là một tháng.

[2.2]. Xét thấy, bà Neáng R có cho bà N Sóc Hone mượn chứng minh nhân dân mang tên Neáng Rét để giao kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 tại Công ty Cổ phần D1 theo sổ BHXH số 8013012188. Trong khi đó bà Neáng R cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Cổ phần D1, tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8011027391 từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 01 năm 2014.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 thì người mang tên Neáng R cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần D1 với 02 sổ BHXH khác nhau.

Do đó, việc bà Neáng Sóc H tham gia trực tiếp lao động với Công ty Cổ phần D1 từ tháng 5/2013 đến tháng 5/2013 nhưng hợp đồng lao động ghi tên Neáng R là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị

cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Neáng R (do bà N Sóc Hone trực tiếp lao động) với Công ty Cổ phần D1 từ tháng 5/2013 đến tháng 5/2013 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Neáng R là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Neáng R ghi trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8013012188 trong giai đoạn từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 tại Công ty Cổ phần D1 thành tên Neáng Sóc H.

[3]. Bà Neáng Sóc H, Công ty D1 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5].Về án phí: Ghi nhận ý kiến của bà Neáng R tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4, Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neáng R về việc: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" với Công ty Cổ phần D1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neáng R (do bà Neáng Sóc H là người trực tiếp lao động) với Công ty Cổ phần D1 từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 5 năm 2013 (một tháng).

1.2. Điều chỉnh tên Neáng R trên sổ bảo hiểm số 8013012188 trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2013 đến hết tháng 5 năm 2013 sang tên Neáng Sóc Hone.

Bà Neáng R và bà Neáng Sóc H được quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Long An để điều chỉnh tên ghi trên sổ bảo hiểm xã hội số 8013012188 từ tên Neáng R thành tên Neáng Sóc H.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Neáng R tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được chuyển từ tiền tiền tạm ứng án phí mà bà Neáng R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6243 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm, tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc đực niêm yết theo thủ tục tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức